

Bản án số: 87/2024/HC-PT

Ngày: 27/3/2024

V/v: “*Yêu cầu huỷ quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Trương Minh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 341/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Yêu cầu huỷ quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* bà Thái Dương Mỹ H, sinh năm 1984; địa chỉ: số C T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950; địa chỉ: số B T, tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Địa chỉ: số B T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Quang N, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Hồng A, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: số D L, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai N1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: số D M, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Mai Xuân A1, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ A, B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông Mai S; địa chỉ: Tổ A, B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Thái Dương Mỹ H.

NỘI DUNG:

*** Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Dương Mỹ H trình bày:**

- Ông Mai Xuân A1 và ông Mai S có chuyển nhượng cho bà H 108m² đất thổ cư tại thửa đất 132 tờ bản đồ số 02 (Đăng ký theo nghị định 64/CP - 1993); địa chỉ tại tổ A, Khu Ê, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND phường H ký ngày 22/04/2003. Đây là một phần của thửa đất thổ cư số 203 và 551, tờ bản đồ số 1, do bà Trần Thị P, mẹ của ông A1, ông S kê khai đăng ký theo Nghị định 299/TTg năm 1980. Bà H đã nộp thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2011. Tháng 11 năm 2006, bà H nộp bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận N. Sau đó VPĐK quyền sử dụng đất quận N của ông Khương Đình T1 đến đó đo đạc và lập hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật của thửa đất.

- Trong thời gian chờ đợi hơn 01 năm cơ quan thẩm quyền chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H thì cuối năm 2007 bà H nhận được Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N về việc thu hồi đất của bà H giao cho công ty quản lý và khai thác đất Đà Nẵng để thực hiện dự án “*Du lịch sinh thái và sân golf*”, sau đó dự án này không thực hiện. Đến năm 2010 Thành phố thực hiện dự án “*Khu du lịch sinh thái làng quê và quần thể du lịch sông nước*” và bắt đầu kiểm định, áp giá đền bù không thỏa đáng nên bà H không chấp nhận và làm đơn khiếu nại.

Đầu năm 2018, UBND quận N họp giải quyết đơn của bà H cùng 05 trường hợp khác. Tại cuộc họp này, ông Nguyễn H1, Phó Chủ tịch UBND quận N hứa sẽ giải quyết bố trí cho mỗi hộ 01 lô đất tái định cư. Nhưng mãi cho đến tháng 3/2021 bà H vẫn chưa nhận được tiền bồi thường thiệt hại và bố trí đất tái định cư như ông P1 Chủ tịch đã hứa.

Ngày 23/3/2021, bà H làm đơn kiến nghị yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường thiệt hại về đất ở và bố trí một lô đất tái định cư diện hộ chính nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà H theo quy định của pháp luật. Nhưng do tình hình giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid 19 nên đến tháng 04/2022 bà H mới nhận được Văn bản trả lời số 199/HĐBTTH&GPMB ngày 10/05/2021 của quận N, trong đó có căn cứ Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012:

“- Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hằng năm hạng 1 đồng bằng (Đơn giá 35.000đồng/m²) diện tích: 108,0m², thành tiền: 3.780.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

- Bồi thường cây cối, hoa màu theo QĐ 36/2009/QĐ-UBND.”

Trong văn bản trả lời nói trên, có nêu lý do đất của bà H là đất trồng rừng và đất 02 lúa. Lý do đó không đúng sự thật. Bởi vì đất ông A1 và ông S chuyển nhượng cho bà H là đất thổ cư do bà Trần Thị P (mẹ của ông A1 và ông S) kê khai đăng ký 299/TTg năm 1980 tại thửa 203 và 551, tờ bản đồ số 1 là đất thổ cư, diện tích 1.528m²; thửa 552, diện tích 149m² là đất 2 lúa. Khi đăng ký Nghị định 64/CP năm 1993, hai thửa đất 203 và 551 nhập lại thành thửa đất 132, tờ bản đồ số 02. Sau khi nhận đất, bà H đã nộp thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2011.

Việc Hội đồng BTTH & GPMB quận N trả lời đơn như vậy là không đúng sự thật, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, bà Thái Dương Mỹ H có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết: Tuyên hủy Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ (thu hồi 108,0m² đất do hộ bà Thái Dương M đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đ đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ).

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định lại yêu cầu khởi kiện là:

- Hủy một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đ về việc hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N2. Buộc UBND thành phố Đ ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N2.

- Hủy Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ (thu hồi 108,0m² đất do hộ bà Thái Dương M đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đ đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ).

*** Người bị kiện là UBND thành phố Đ trong quá trình tố tụng có văn bản trình bày:**

1. Về nguồn gốc đất thu hồi và quá trình sử dụng:

Chủ hộ khai: Nguồn gốc đất của bà Trần Thị P sử dụng trước năm 1975, sau đó thừa kế lại cho ông Mai Xuân A1 và ông Mai S tiếp tục sử dụng. Theo đăng ký Nghị định 64/CP tại tờ bản đồ số 2, thửa đất số 132, diện tích 4120,0m² đất Rtr/G, do UBND phường H quản lý.

Hiện trạng hồ sơ kiểm định lập ngày 10/01/2008: trồng dương liễu, bạch đàn, gỗ tạp.

+ Chủ hộ có Đơn kiến nghị việc đền bù về đất ở và bổ sung giấy tờ:

- Hồ sơ thừa kế của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S được UBND phường H xác nhận ngày 8/9/2004.

- Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S cho bà Thái D Mỹ Hạnh diện tích 108,0m² (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 2) được UBND phường H xác nhận ngày 15/4/2003 với nội dung: UBND phường H xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân A1 và Mai S cho bà Thái Dương Mỹ H, hai bên đã thống nhất diện tích và các cam kết như trong Hợp đồng của đôi bên đã ký kết là đúng.

- Biên lai thuê nhà đất năm 2004 (ghi thu 2003-2006), bà H đứng tên nộp thuế.

Qua đối chiếu theo bản đồ 299/TTg, thuộc tờ bản đồ số 1, thửa đất số 204, có diện tích 108,0m² nằm trong tổng diện tích 13.339,0m² đất màu do Hợp tác xã quản lý.

2. Các chế độ, chính sách đã đền bù, hỗ trợ:

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất như trên, hồ sơ bà Thái Dương Mỹ H đã được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt giải quyết các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 100% đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đồng/m²) cho diện tích 108,0m² (Thay cho mức không đền bù về đất trước đây).

- Bồi thường cây cối, hoa màu trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND.

(Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 4.574.000 đồng).

3. Ý kiến của UBND thành phố đối với kiến nghị đối với hộ bà Thái Dương Mỹ H:

- Ông Mai Xuân A1 và ông Mai S ký Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho bà Thái D Mỹ Hạnh được UBND phường H xác nhận năm 2003, đến năm 2004 mới lập hồ sơ thừa kế đất của mẹ Trần Thị P để lại, hồ sơ không hợp lệ.

- Nội dung Hợp đồng chuyển nhượng nêu: “Chuyển nhượng một phần diện tích thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 2”. Qua đối soát theo bản đồ địa chính 64/CP là đất rừng trồng do UBND phường quản lý, do đó không có cơ sở cho việc chuyển nhượng, không xác định là đất thổ cư.

Căn cứ Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án Khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án Khu đô thị V - Đ), diện tích thu hồi của bà H không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc đất khuôn viên, nên không đủ điều kiện bố trí tái định cư quy định tại Điều 47 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đ.

Đối với trường hợp của bà Thái Dương Mỹ H, hồ sơ kiểm định không có nhà ở, không có hộ khẩu tại nơi giải tỏa, không được bồi thường về đất ở. Do đó không có cơ sở xem xét, giải quyết bố trí đất tái định cư.

Do đó, một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Đ liên quan đến việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Thái D Mỹ Hạnh là có cơ sở, đúng quy định và đã có xem xét hỗ trợ thêm.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 về thời hiệu khởi kiện: “a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”. Do đó, việc bà Thái Dương Mỹ H khởi kiện đối với một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của Chủ tịch UBND thành phố liên quan đến việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Thái D Mỹ Hạnh thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu đô thị V - Đ tại phường H là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định.

*** Người bị kiện là UBND quận N, thành phố Đà Nẵng trong quá trình tố tụng có văn bản trình bày:**

Hộ bà Thái Dương Mỹ H và hộ bà Dương Minh N2 thuộc diện giải tỏa đi hẳn để thực hiện xây dựng dự án Khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án Khu đô thị V - Đ).

a) Về nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng và giấy tờ liên quan:

Chủ hộ khai: Nguồn gốc đất của bà Trần Thị P sử dụng trước năm 1975, sau đó thừa kế lại cho ông Mai Xuân A1 và ông Mai S tiếp tục sử dụng.

Theo Đăng ký theo Nghị định 64/CP tại tờ bản đồ 2, thửa 132, diện tích 4120,0m² đất Rtr/G do UBND phường H quản lý.

Hiện trạng hồ sơ kiểm định lập ngày 10/01/2008; trồng dương liễu, bạch đàn gỗ tạp.

+ Chủ hộ có Đơn kiến nghị việc đền bù về đất ở và bổ sung giấy tờ

- Hồ sơ thừa kế của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S được UBND phường H xác nhận ngày 08/9/2004.

- Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S cho bà Thái D Mỹ Hạnh diện tích: 108,0m² (thửa 132, tờ bản đồ 2) được UBND phường H xác nhận ngày 15/4/2003, với nội dung: UBND phường H xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ của ông Mai Xuân A1 và Mai S cho bà Thái Dương Mỹ H, hai bên đã thống nhất diện tích và các cam kết như trong Hợp đồng của đôi bên đã ký kết là đúng.

- Biên lai thuế nhà đất năm 2004 (ghi thu 2003-2006), bà H dùng tên nộp thuế.

Qua Đối chiếu theo bản đồ 299/TTg, thuộc tờ bản đồ 1, thửa 204, có diện tích; 108,0m² nằm trong tổng diện tích 13.339,0m² đất màu do Hợp tác xã quản lý.

b) Về Kết quả giải quyết của UBND thành phố:

Trên cơ sở nguồn gốc đất và các giấy tờ liên quan, Hội đồng BTTH&GPMB đã có báo cáo đề xuất và được UBND thành phố phê duyệt giải quyết tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/2/2012 như sau:

- Hỗ trợ 100% đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đồng/m²) cho diện tích: 163,1m².

- Bồi thường cây cối, hoa màu trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND.

(Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 4.574.000 đồng).

c) Ý kiến của UBND quận về đề xuất UBND thành phố giải quyết kiến nghị đối với hộ bà Thái Dương Mỹ H:

- Ông Mai Xuân A1 và ông Mai S ký Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho bà Thái D Mỹ Hạnh được UBND phường H xác nhận năm 2003, đến năm 2004 mới lập hồ sơ thừa kế đất của mẹ Trần Thị P để lại, hồ sơ không hợp lệ.

- Nội dung Hợp đồng chuyển nhượng nêu: “Chuyển nhượng một phần diện tích thuộc thửa 132, tờ bản đồ 2. Qua đối soát theo bản đồ địa chính 64/CP là đất rừng trồng do UBND phường quản lý, do đó không có cơ sở cho việc chuyển nhượng, không xác định là đất thổ cư.

Căn cứ Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án Khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án Khu đô thị V - Đ), diện tích thu hồi của bà H không bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc đất khuôn viên, nên không đủ điều kiện bố trí tái định cư quy định tại Điều 47 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đ.

Đối với các trường hợp của bà Thái Dương Mỹ H, hồ sơ kiểm định không có nhà ở, không có hộ khẩu tại nơi giải tỏa, không được bồi thường về đất ở. Do đó không có cơ sở xem xét, giải quyết bố trí đất tái định cư.

Như vậy, kết quả bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 đối với hồ sơ số 521 của bà Thái Dương Mỹ H là đầy đủ, đúng quy định. Do vậy, UBND quận N không có cơ sở đề xuất UBND thành phố xem xét, giải quyết kiến nghị của chủ hộ về việc bồi thường đất và bố trí đất tái định cư.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ (thu hồi 108,0m² đất do hộ bà Thái Dương M đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đ đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ), UBND quận N, thành phố Đà Nẵng có ý kiến:

Hộ bà Thái Dương Mỹ H có hồ sơ giải tỏa đền bù số 521 (diện thu hồi hết đất) để thực hiện xây dựng dự án: Khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án Khu đô thị V - Đ).

Liên quan đến đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N.

Căn cứ Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố, UBND quận N đã triển khai thực hiện công tác đền bù giải tỏa theo đúng Phương án phê duyệt đền bù, hỗ trợ, tái định cư của UBND thành phố; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật từ các khâu như: Công bố quy hoạch, xác lập hồ sơ, xét tính pháp lý, thu hồi đất, phê duyệt kết quả đền bù, thông báo kết quả giải quyết đền bù giải tỏa, giải quyết đơn kiến nghị của công dân.

Từ những thủ tục nêu trên, đến nay dự án đã được nhân dân đồng tình và thống nhất kết quả giải quyết của UBND thành phố, đã bàn giao mặt bằng và dự án cơ bản đã hoàn thành xong công tác giải tỏa.

Do đó, yêu cầu của bà Thái Dương Mỹ H về việc đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N thu hồi 108,0m² do hộ bà Thái Dương Mỹ H đang sử dụng để thực hiện dự án là không có cơ sở.

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là UBND phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng trong quá trình tố tụng có văn bản trình bày:**

Trên cơ sở đó UBND phường tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ qua các thời kỳ để lại và hiện trạng thửa đất đang kiến nghị, cụ thể như sau: Theo đăng ký Chỉ thị 299/TTg trước 18/12/1980 không tên trong sổ đăng ký, sổ mục kê, tờ bản đồ, nằm ở thửa số 204, tờ bản đồ 01, loại đất Mầu, với tổng diện tích 13.339m² do Hợp tác xã quản lý. Qua đối chiếu và đăng ký theo nghị định 64/CP không có

tên trong sổ đăng ký, sổ mục kê, tờ bản đồ, tại thửa 132 tờ bản đồ số 02 loại đất RTr.G có tổng diện tích 4120m² do UBND quản lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 25/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

“- Căn cứ các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng Hành chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Dương Mỹ H đối với UBND thành phố Đ và UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc: Tuyên hủy một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đ về việc hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Thái Dương Mỹ H, buộc UBND thành phố Đ ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Thái Dương M và hủy Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ (thu hồi 108,0m² đất do hộ bà Thái Dương M đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đ đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ).”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2023, ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của bà Thái Dương Mỹ H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của bà Thái Dương Mỹ H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Dương Mỹ H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Mỹ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án; việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Thái Dương M, Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Q là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại “Đơn khởi kiện” đề ngày 20/6/2022, bà Thái Dương Mỹ H trình bày “Cuối năm 2007, tôi nhận được Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của tôi giao cho công ty quản lý và khai thác đất Đà Nẵng để thực hiện dự án “Du lịch sinh thái và sân golf” sau đó dự án này không thực hiện, đến năm 2010 Thành phố thực hiện dự án “khu du lịch sinh thái làng quê và quần thể du lịch sông nước”, bắt đầu kiểm định, áp giá đền bù không thỏa đáng, nên tôi không chấp nhận và làm đơn khiếu nại”. Như vậy, bà Mỹ H nhận, biết Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 từ cuối năm 2007 và sau đó bà Mỹ H không có khiếu nại việc thu hồi đất, chỉ khiếu nại việc bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, đến năm 2022, bà Thái Dương Mỹ H mới khởi kiện đối với Quyết định số 5340/QĐ-UBND là đã hết thời hiệu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Dương Mỹ H nên cần rút kinh nghiệm.

[4] Ngày 15/4/2003, ông Mai Xuân A1, ông Mai S với bà Thái Dương Mỹ H có lập “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” với nội dung chuyển nhượng khu đất do ông Mai Xuân A1, Mai Siêng thừa kế của cha mẹ, diện tích 108m², loại đất ở. Hợp đồng có xác nhận của ông Nguyễn H1 - Phó Chủ tịch UBND phường H “UBND phường H xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của ông Mai Xuân A1 và Mai S cho bà Thái Dương Mỹ H, hai bên đã thống nhất diện tích và các cam kết như trong hợp đồng của đôi bên đã ký kết là đúng” (BL 08).

Cùng ngày 15/4/2003, ông Mai Xuân A1, Mai S có “Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất” để chuyển nhượng cho bà Thái Dương M 108m²; có xác nhận của ông Nguyễn H1 “UBND phường H xác nhận Đơn xin chuyển

nhượng QSD đất của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S cho bà Thái D Mỹ Hạnh với diện tích 108m² là đúng. Khu đất thuộc quyền sử dụng của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S không có tranh chấp. UBND phường H kính chuyển UBND cấp trên xét cho phép chuyển nhượng QSD đất” (BL 09).

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, bà Thái Dương Mỹ H có “Đơn đề nghị” không ghi ngày tháng, đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất ở 100m², phần diện tích đất còn lại được tính là đất cây lâu năm.

Ngày 03/11/2006, bà Thái Dương Mỹ H có “Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, đề nghị Ủy ban nhân dân quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22, diện tích 108m², tọa lạc tổ A phường H. Mục đích sử dụng đất: để ở. Đơn có xác nhận của cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân phường. Nhưng Ủy ban nhân dân quận N vẫn chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Ngày 11/12/2007, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 5340/QĐ-UBND để thu hồi 108m² đất do hộ Thái Dương M đang sử dụng trong khu đất do UBND thành phố Đ đã có quyết định thu hồi giao cho Công ty Q và khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ. Thửa đất số 61 thuộc tờ bản đồ hiện trạng số 16 tại phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Đối với việc ông Nguyễn H1 xác nhận trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H thấy: Ông H1 chỉ đề nghị chuyển Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Mỹ H, sau khi xem xét hồ sơ thì Ủy ban nhân dân quận N chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

[5] Bà Mỹ H cho rằng nguồn gốc thửa đất của ông Mai Xuân A1, Mai S là từ đất của cụ Trần Thị P (mẹ của ông A1, S) và cụ P đã kê khai loại đất ở theo Chỉ thị 299/TTg nên loại đất của bà là đất ở.

Theo Sổ mục kê Chỉ thị 299/TTg thì cụ Trần Thị P kê khai thửa đất số 203, diện tích 408m², loại đất T.

Theo “Biên bản làm việc” ngày 15/9/2023, ông Ngô Thanh T2 - Chủ tịch UBND phường H, ông Thái Quang H2 - Cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân phường H cho biết:

“Đối với việc đăng ký theo Nghị định 64/CP, bà Trần Thị P không có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ mục kê ruộng đất.

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S cho bà Thái D Mỹ Hạnh diện tích 108m² (thửa đất 132, tờ bản đồ số 2, theo đăng ký Nghị định 64/CP) được Ủy ban nhân dân phường H xác nhận ngày 15/4/2003.

Đối chiếu theo sơ đồ 299/TTg thì phần diện tích 108m² theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên chính là phần diện tích 108m² nằm trong tổng diện tích

13.359m² đất màu thuộc thửa đất số 204, tờ bản đồ số 1 do Hợp tác xã quản lý” (BL 181).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T - đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H với Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng là không đúng sự thật. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được tài liệu nào thể hiện việc đã khiếu nại, tố cáo đối với xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thửa đất 108m² của bà H là một phần của thửa đất số 203 được bà Trần Thị P kê khai tại tờ bản đồ số 1, Sổ mục kê chỉ thị 299/TTG, với diện tích 408m², loại đất T.

Vì vậy, ngày 10/5/2021, Hội đồng giải phóng mặt bằng quận N có Văn bản số 199/HĐBTTH&GPMB trả lời cho bà Mỹ H, với nội dung: Việc hộ bà Thái Dương M đề nghị được đền bù theo giá đất ở đối với diện tích đất thu hồi và bố trí đất tái định cư, Hội đồng GPMB quận không có cơ sở đề xuất UBND thành phố giải quyết là có căn cứ pháp luật.

[6] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Dương Mỹ H là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà Thái Dương M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Dương Mỹ H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Dương Mỹ H đối với UBND thành phố Đ và UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc: Tuyên hủy một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đ về việc hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Thái Dương Mỹ H, buộc UBND thành phố Đ ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Thái Dương M và hủy Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ (thu hồi 108,0m² đất do hộ bà Thái Dương M đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đ đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Q quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đ).

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Thái Dương Mỹ H phải chịu 300.000 án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận bà Thái Dương Mỹ H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0001442 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hoà